



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ LVA**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025**



**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 29

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An, là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Trường học Long An theo Quyết định số 4834/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000090 ngày 12/01/2005. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 28 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/12/2024 với mã số doanh nghiệp là 1100105921. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 19.999.340.000 đồng.

Công ty niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 22/02/2008 theo Giấy chứng nhận số 09/GCN-TTGDHN ngày 21/01/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán LBE.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 121 Bà Triệu, Tổ 11, P. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0778.038866
- Email: info@lva.com.vn

### Lĩnh vực kinh doanh chính

- Kinh doanh thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 29 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 02 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

### Hội đồng quản trị

Ông Trương Thanh Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
Bà Lê Văn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
Bà Đào Thị Kim Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
Bà Bùi Thị Vân Anh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- |                         |                    |                              |
|-------------------------|--------------------|------------------------------|
| • Bà Phan Thị Diệu Hằng | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025 |
|-------------------------|--------------------|------------------------------|

### **Ban Kiểm soát**

- |                         |            |                              |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Cao Văn Bằng      | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu     | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025 |
| • Bà Tống Thị Thanh Nga | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025 |

### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                          |                    |                          |
|--------------------------|--------------------|--------------------------|
| • Bà Đào Thị Kim Oanh    | Giám đốc           | Bổ nhiệm ngày 24/06/2024 |
| • Bà Nguyễn Minh Hương   | Giám đốc tài chính | Bổ nhiệm ngày 19/01/2024 |
| • Bà Phạm Thị Thu Phương | Kế toán trưởng     | Bổ nhiệm ngày 24/06/2024 |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218, Đường 30/04, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### **Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.



## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Trương Thanh Minh**

*Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025*



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN-KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 948/2025/BCSX-AAC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 12/08/2025 của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 29 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### ■ Trụ sở chính:

Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng  
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887

#### ■ Chi nhánh:

Tầng 2, Số 132 - 134 Nguyễn Gia Trí, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Kết luận của Kiểm toán viên không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**



**Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.953.339.788</b>	<b>15.799.864.675</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.033.118.051</b>	<b>216.698.008</b>
1. Tiền	111	5	2.033.118.051	216.698.008
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.865.554.537</b>	<b>8.861.130.694</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.365.886.933	1.830.351.152
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	631.075.880	6.998.847.850
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.650.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	218.591.724	31.931.692
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>16.798.103.199</b>	<b>6.428.542.971</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.798.103.199	6.428.542.971
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>256.564.001</b>	<b>293.493.002</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	256.564.001	293.493.002
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.684.025.388</b>	<b>13.966.760.073</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>240.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	240.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.273.223.850</b>	<b>3.378.456.014</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.263.312.960	2.344.686.268
- Nguyên giá	222		3.972.366.419	3.972.366.419
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.709.053.459)	(1.627.680.151)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.009.910.890	1.033.769.746
- Nguyên giá	228		1.566.266.805	1.566.266.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(556.355.915)	(532.497.059)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.545.090.909</b>	<b>99.636.364</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.545.090.909	99.636.364
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9.950.000.000</b>	<b>9.950.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	9.950.000.000	9.950.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>675.710.629</b>	<b>538.667.695</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	675.710.629	538.667.695
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>42.637.365.176</b>	<b>29.766.624.748</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.554.820.064</b>	<b>3.530.232.821</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.524.820.064</b>	<b>3.500.232.821</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	2.925.827.225	2.051.944.680
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		140.261.000	60.552.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.510.745.133	1.227.986.141
4. Phải trả người lao động	314		362.945.227	60.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	186.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	399.041.479	99.750.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	30.000.000	30.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.082.545.112</b>	<b>26.236.391.927</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>34.082.545.112</b>	<b>26.236.391.927</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	19.999.340.000	19.999.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.999.340.000	19.999.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	363.351.953	363.351.953
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	258.207.741	258.207.741
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	13.461.645.418	5.615.492.233
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.615.492.233	3.090.725.903
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.846.153.185	2.524.766.330
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>42.637.365.176</b>	<b>29.766.624.748</b>



**Trương Thanh Minh**

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

**Kế toán trưởng**

**Phạm Thị Thu Phương**

**Người lập biểu**

**Phạm Thị Thu Phương**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	63.789.283.936	15.993.577.528
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	17.527.480
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		63.789.283.936	15.976.050.048
4. Giá vốn hàng bán	11	23	16.547.338.456	15.789.562.692
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		47.241.945.480	186.487.356
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	75.698.841	10.102.270
7. Chi phí tài chính	22		-	78.518.609
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	36.183.325.499	428.041.830
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	1.199.847.449	391.555.072
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.934.471.373	(701.525.885)
11. Thu nhập khác	31	26	16.361.469	30.239.478
12. Chi phí khác	32	27	22.601.807	4.009.574
13. Lợi nhuận khác	40		(6.240.338)	26.229.904
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.928.231.035	(675.295.981)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2.082.077.850	10.882.500
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.846.153.185	(686.178.481)



Chủ tịch HĐQT

Trương Thanh Minh

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.928.231.035	(675.295.981)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12;13	105.232.164	130.675.296
- Các khoản dự phòng	03		-	(163.246.370)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24	(45.166.230)	(12.252.270)
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		9.988.296.969	(720.119.325)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.005.244.571	(3.093.688.988)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.369.560.228)	14.827.740.588
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		3.644.130.596	(2.446.059.585)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(100.113.933)	120.371.327
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	5.812.230.640
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(701.933.203)	(81.437.678)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(123.279.593)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.466.064.772	14.295.757.386
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(4.890.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	8	(1.650.000.000)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.950.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	355.271	2.252.270
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.649.644.729)	(14.837.747.730)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.816.420.043	(541.990.344)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	216.698.008	556.731.749
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	2.033.118.051	14.741.405



Trương Thanh Minh

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An, là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Trường học Long An theo Quyết định số 4834/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000090 ngày 12/01/2005. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 28 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/12/2024 với mã số doanh nghiệp là 1100105921. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Kinh doanh thương mại.

#### 1.3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty thực hiện cơ cấu lại hoạt động kinh doanh, chuyển giao hoạt động kinh doanh sách và thiết bị trường học cho Công ty con là Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An. Đồng thời, triển khai hoạt động kinh doanh mới là kinh doanh mỹ phẩm, quần áo.

#### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 Công ty con và 01 đơn vị trực thuộc:

- Công ty con: Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An.
- Đơn vị trực thuộc: Chi nhánh TP Hồ Chí Minh – Công ty CP Thương mại và Dịch vụ LVA (thành lập ngày 04/07/2024).

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hằng năm. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 (bắt đầu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có công ty con. Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 của riêng Công ty mẹ và Báo cáo



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025. Người sử dụng Báo cáo cần đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 4.4 Phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc (nguyên vật liệu, hàng hóa) bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

### 4.7 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp để có được quyền sử dụng đất hợp pháp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Phần mềm máy tính	8

### 4.8 Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mối quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

#### Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### 4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.
- Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.18 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng.

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với mặt hàng mỹ phẩm, quần áo.  
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 các mặt hàng này được áp dụng mức thuế suất 8% theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền mặt	1.510.850.578	130.457.143
Tiền gửi ngân hàng	522.267.473	86.240.865
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.033.118.051</b>	<b>216.698.008</b>

## 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2025	01/01/2025
Vũ Kim Thuần	432.207.576	183.798.288
Nguyễn Thị Thảo	392.998.500	91.044.000
Hộ kinh doanh Lê Văn Anh Fashion	300.000.000	260.000.000
Nguyễn Minh Tuấn	300.000.000	438.988.788
Nguyễn Hoàng Tuyết Mai	284.409.000	209.574.000
Các đối tượng khác	656.271.857	646.946.076
<b>Cộng</b>	<b>2.365.886.933</b>	<b>1.830.351.152</b>

## 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
ONE M GLOBAL Co.,Ltd	467.920.380	1.302.413.500
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	150.000.000	-
Công ty CP Thẩm định giá Thành Đô	10.000.000	10.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons (Bên liên quan)	-	4.890.000.000
Các đối tượng khác	3.155.500	796.434.350
<b>Cộng</b>	<b>631.075.880</b>	<b>6.998.847.850</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Bà Nguyễn Thị Mai Phương (i)	1.000.000.000	-
Bà Trần Đặng Phương Anh (ii)	350.000.000	-
Bà Nguyễn Hoàng Tuyết Mai (iii)	300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.650.000.000</b>	<b>-</b>

- (i) Cho Bà Nguyễn Thị Mai Phương vay theo hợp đồng vay tiền ngày 03/03/2025 số tiền: 1.000.000.000 đồng với thời hạn cho vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 8%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Cho Bà Trần Đặng Phương Anh vay theo hợp đồng vay tiền ngày 22/02/2025 số tiền: 350.000.000 đồng với thời hạn cho vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 8%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Cho Bà Nguyễn Hoàng Tuyết Mai vay theo hợp đồng vay tiền ngày 20/02/2025 số tiền: 300.000.000 đồng với thời hạn cho vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 8%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

### 9. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	44.810.959	-	-	-
Công ty CP Giao hàng Tiết kiệm	-	-	31.128.192	-
Phải thu từ Tiktok	173.780.765	-	803.500	-
<b>Cộng</b>	<b>218.591.724</b>	<b>-</b>	<b>31.931.692</b>	<b>-</b>

#### b. Dài hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	240.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>240.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 10. Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.091.898	-	21.268.926	-
Hàng hóa	16.773.011.301	-	6.318.192.503	-
Hàng gửi bán	-	-	89.081.542	-
<b>Cộng</b>	<b>16.798.103.199</b>	<b>-</b>	<b>6.428.542.971</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2025.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 30/06/2025.

### 11. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Công cụ dụng cụ	1.998.333	-
Chi phí thuê nhà	240.000.000	240.000.000
Chi phí trả trước khác	14.565.668	53.493.002
<b>Cộng</b>	<b>256.564.001</b>	<b>293.493.002</b>

#### b. Dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Chi phí sửa chữa cửa hàng Bà Triệu	382.661.836	459.194.200
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	103.932.709	68.040.152
Chi phí trả trước khác	189.116.084	11.433.343
<b>Cộng</b>	<b>675.710.629</b>	<b>538.667.695</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	3.928.406.419	43.960.000	3.972.366.419
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.928.406.419</b>	<b>43.960.000</b>	<b>3.972.366.419</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	1.625.742.129	1.938.022	1.627.680.151
Khấu hao trong kỳ	76.977.306	4.396.002	81.373.308
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.702.719.435</b>	<b>6.334.024</b>	<b>1.709.053.459</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	2.302.664.290	42.021.978	2.344.686.268
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.225.686.984</b>	<b>37.625.976</b>	<b>2.263.312.960</b>

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ tại ngày 30/06/2025.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 193.303.696 đồng.

(\*) Nghị quyết Hội đồng quản trị số 49/NQ-STBTH ngày 20/12/2023 đã chấp nhận giao các Bất động sản của Công ty cho Công ty con là Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An quản lý, khai thác, sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty con. Thời hạn bàn giao: 10 năm kể từ ngày bàn giao. Theo đó, ngày 31/12/2023, Công ty đã tiến hành bàn giao các tài sản sau cho Công ty con:

- Nhà làm việc tại địa chỉ số 39 Hai Bà Trưng, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh.
- Nhà làm việc tại địa chỉ số 109 Nguyễn Trung Trực, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh

Tên tài sản	01/01/2025		Khấu hao trong kỳ	30/06/2025	
	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế
Nhà làm việc tại địa chỉ số 39 Hai Bà Trưng	1.659.387.761	857.928.480	29.321.682	1.659.387.761	887.250.162
Nhà làm việc tại địa chỉ số 109 Nguyễn Trung Trực	1.850.666.804	413.315.569	37.013.334	1.850.666.804	450.328.903
Nhà làm việc tại Cửa hàng Châu Thành	418.351.854	354.498.080	10.642.290	418.351.854	365.140.370
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.928.406.419</b>	<b>1.625.742.129</b>	<b>76.977.306</b>	<b>3.928.406.419</b>	<b>1.702.719.435</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất(*)	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	1.410.266.805	156.000.000	1.566.266.805
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.410.266.805</b>	<b>156.000.000</b>	<b>1.566.266.805</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	462.622.059	69.875.000	532.497.059
Khấu hao trong kỳ	14.108.856	9.750.000	23.858.856
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>476.730.915</b>	<b>79.625.000</b>	<b>556.355.915</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	947.644.746	86.125.000	1.033.769.746
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>933.535.890</b>	<b>76.375.000</b>	<b>1.009.910.890</b>

(\*) Quyền sử dụng 903,3 m2 đất tại Thị trấn Tầm Vu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Long An thời hạn sử dụng đất đến ngày 10/01/2058. Mục đích: mở cửa hàng sách, thiết bị trường học. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đã thực hiện bàn giao cho Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An (Công ty con) để quản lý, khai thác, sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn bàn giao: 10 năm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 49/NQ-STBTH ngày 20/12/2023.

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2025	01/01/2025
Công trình văn phòng công ty tại 39 Hai bà Trưng	4.545.090.909	99.636.364
<b>Cộng</b>	<b>4.545.090.909</b>	<b>99.636.364</b>

### 15. Đầu tư vào Công ty con

				30/06/2025		01/01/2025	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An	Đang hoạt động	99,50%	995.000	9.950.000.000	-	9.950.000.000	-
<b>Cộng</b>				<b>9.950.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.950.000.000</b>	<b>-</b>

Cổ phiếu của Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2025 cho thấy Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An không có lỗ lũy kế nên Công ty không trích lập dự phòng.

Đại hội đồng cổ đông ngày 30/6/2025 của Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An (Công ty con) đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng thành 50 tỷ đồng bằng phương thức phát hành riêng lẻ cho các cổ đông bên ngoài. Trong đợt tăng vốn này, Công ty không tham gia góp vốn bổ sung. Ngày 06/8/2025, Hội đồng quản trị Công ty con đã có Nghị quyết số 25/NQ-STBTH về Báo cáo kết quả của đợt phát hành tăng vốn điều lệ; Theo đó, 02 cổ đông mới đã góp thêm 20,6 tỷ đồng (tương ứng 2.060.000 cổ phần). Như vậy, sau đợt tăng vốn này, Công ty sẽ chỉ còn nắm giữ 32,5% vốn tại Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An, khoản đầu tư vào Công ty con sẽ chuyển thành đầu tư vào Công ty liên kết.

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Bkinternational	1.129.130.825	-
BYPLAY	787.662.500	382.712.500
TIKTOK PTE. LTD	643.528.364	-
Các đối tượng khác	365.505.536	1.669.232.180
<b>Cộng</b>	<b>2.925.827.225</b>	<b>2.051.944.680</b>

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	523.386.270	3.892.583.706	1.990.010.919	-	2.425.959.057
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	701.933.203	2.082.077.850	701.933.203	-	2.082.077.850
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.666.668	45.060.408	45.018.850	-	2.708.226
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.227.986.141</b>	<b>6.024.721.964</b>	<b>2.741.962.972</b>	<b>-</b>	<b>4.510.745.133</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Phí dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	60.000.000	-
Thù lao HĐQT và BKS	126.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>186.000.000</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 19. Phải trả khác

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
BHXH, BHYT, BHTN	151.930.833	-
Công ty CP Giao hàng tiết kiệm	247.110.646	-
Các khoản phải trả khác	-	99.750.000
<b>Cộng</b>	<b>399.041.479</b>	<b>99.750.000</b>

#### b. Dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2024	19.999.340.000	363.351.953	179.928.732	3.278.595.524
Tăng trong kỳ	-	-	78.279.009	2.524.766.330
Giảm trong kỳ	-	-	-	187.869.621
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>19.999.340.000</b>	<b>363.351.953</b>	<b>258.207.741</b>	<b>5.615.492.233</b>
Số dư tại 01/01/2025	19.999.340.000	363.351.953	258.207.741	5.615.492.233
Tăng trong kỳ	-	-	-	7.846.153.185
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2025</b>	<b>19.999.340.000</b>	<b>363.351.953</b>	<b>258.207.741</b>	<b>13.461.645.418</b>

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	30/06/2025	01/01/2025
Ông Bùi Quốc Hưng	2.897.000.000	2.897.000.000
Bà Bùi Thị Vân Anh	2.858.000.000	2.858.000.000
Bà Lê Văn Anh	2.723.000.000	2.723.000.000
Bà Đào Thị Kim Oanh	2.261.000.000	2.261.000.000
Ông Trương Thanh Minh	2.228.270.000	2.228.270.000
Các cổ đông khác	7.032.070.000	7.032.070.000
<b>Cộng</b>	<b>19.999.340.000</b>	<b>19.999.340.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Cổ phiếu**

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.999.934	1.999.934
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.999.934	1.999.934
- Cổ phiếu phổ thông	1.999.934	1.999.934
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.999.934	1.999.934
- Cổ phiếu phổ thông	1.999.934	1.999.934
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	5.615.492.233	3.278.595.524
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	7.846.153.185	(686.178.481)
Phân phối lợi nhuận	-	187.869.621
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	-	187.869.621
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	78.279.009
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	109.590.612
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>13.461.645.418</b>	<b>2.404.547.422</b>

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2025.

**e. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 15/04/2025 quyết định không chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Doanh thu mỹ phẩm	62.045.906.308	-
Doanh thu quần áo	1.743.377.628	-
Doanh thu sách giáo khoa và sách tham khảo	-	10.089.944.925
Doanh thu thiết bị giáo dục	-	1.331.892.107
Doanh thu khác	-	4.571.740.496
<b>Cộng</b>	<b>63.789.283.936</b>	<b>15.993.577.528</b>

### 22. Giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Hàng bán bị trả lại	-	17.527.480
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>17.527.480</b>

### 23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Giá vốn mỹ phẩm	14.871.855.841	-
Giá vốn quần áo	1.675.482.615	-
Giá vốn sách giáo khoa và sách tham khảo	-	9.990.083.490
Giá vốn thiết bị giáo dục	-	1.302.025.223
Giá vốn khác	-	4.497.453.979
<b>Cộng</b>	<b>16.547.338.456</b>	<b>15.789.562.692</b>

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.166.230	152.270
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	30.532.611	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	9.950.000
<b>Cộng</b>	<b>75.698.841</b>	<b>10.102.270</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Các khoản chi phí bán hàng**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân công	1.607.409.965	235.713.668
Chi phí khấu hao	91.086.162	-
Chi phí dịch vụ, hoa hồng môi giới, quảng cáo	33.422.127.944	-
Chi phí khác	1.062.701.428	192.328.162
<b>Cộng</b>	<b>36.183.325.499</b>	<b>428.041.830</b>

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân công	537.535.213	121.074.304
Các khoản khác	662.312.236	270.480.768
<b>Cộng</b>	<b>1.199.847.449</b>	<b>391.555.072</b>

**26. Thu nhập khác**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Xử lý công nợ nhỏ lẻ và kiểm kê	1.347.332	82.916
Thu nhập thanh lý tài sản	-	10.000.000
Bồi thường vận chuyển	15.014.137	-
Thu nhập khác	-	20.156.562
<b>Cộng</b>	<b>16.361.469</b>	<b>30.239.478</b>

**27. Chi phí khác**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội	22.598.296	3.985.970
Xử lý công nợ nhỏ lẻ và kiểm kê	3.511	23.604
<b>Cộng</b>	<b>22.601.807</b>	<b>4.009.574</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.928.231.035	(675.295.981)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	482.158.217	132.781.329
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	482.158.217	134.881.329
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	-	2.100.000
Tổng thu nhập chịu thuế	10.410.389.252	(542.514.652)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.082.077.850</b>	<b>10.882.500</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.082.077.850	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	10.882.500

### 29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân công	2.144.945.178	356.787.972
Chi phí khấu hao tài sản cố định	105.232.164	130.675.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.470.683.370	61.652.866
Chi phí khác bằng tiền	662.312.236	270.480.768
<b>Cộng</b>	<b>37.383.172.948</b>	<b>819.596.902</b>

### 30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh thương mại và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 31. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá và giá.

#### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Do có các giao dịch mua hàng có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

#### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro về biến động giá Công ty đã tìm kiếm nhà cung cấp và đàm phán các hợp đồng với mức giá cả cố định. Công ty cho rằng rủi ro về giá cả hàng hóa trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

#### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng chủ yếu của Công ty từ các khách lẻ thanh toán qua sàn thương mại điện tử, thu COD và thanh toán tại quầy. Do đó Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

#### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.925.827.225	-	2.925.827.225
Chi phí phải trả	186.000.000	-	186.000.000
Phải trả khác	247.110.646	30.000.000	277.110.646
<b>Cộng</b>	<b>3.358.937.871</b>	<b>30.000.000</b>	<b>3.388.937.871</b>
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.051.944.680	-	2.051.944.680
Phải trả khác	99.750.000	30.000.000	129.750.000
<b>Cộng</b>	<b>2.151.694.680</b>	<b>30.000.000</b>	<b>2.181.694.680</b>

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.033.118.051	-	2.033.118.051
Phải thu khách hàng	2.365.886.933	-	2.365.886.933
Phải thu về cho vay	1.650.000.000	-	1.650.000.000
Phải thu khác	218.591.724	240.000.000	458.591.724
Cộng	6.267.596.708	240.000.000	6.507.596.708

01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	216.698.008	-	216.698.008
Phải thu khách hàng	1.830.351.152	-	1.830.351.152
Phải thu khác	31.931.692	-	31.931.692
Cộng	2.078.980.852	-	2.078.980.852

32. Các bên liên quan

a. Thông tin về bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons	Người đại diện pháp luật của Intercons có quan hệ gia đình với ông Trần Việt Thắng (Thành viên HĐQT)
Công ty TNHH Ocean Capital	Người đại diện pháp luật của Ocean Capital là Ông Trương Thanh Minh (chủ tịch HĐQT)

b. Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ

	Giao dịch	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An	Bán hàng hóa	-	14.836.476.019
	Bán tài sản cố định	-	1.005.789.622
	Bán công cụ dụng cụ	-	116.094.348
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons	Ứng tiền xây dựng	-	4.890.000.000
	Mua dịch vụ	4.445.454.545	-
Công ty TNHH Ocean Capital	Mua hàng hóa	17.631.348.182	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**33. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Bên liên quan				6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Ông Trương Thanh Minh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/05/2024	Thù lao	24.000.000	-
Bà Lê Văn Anh	Thành viên HĐQT		Thù lao	12.000.000	
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT		Thù lao	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Văn Ngôi	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	6.000.000
	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/03/2024	Lương, thưởng	-	48.190.075
Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 12/11/2024	Thù lao	-	12.000.000
Bà Bùi Thị Văn Anh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	12.000.000	-
Bà Phan Thị Diệu Hằng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	12.000.000	-
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	12.000.000	-
Bà Đào Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	12.000.000	-
	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/06/2024	Lương, thưởng	102.344.750	-
Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	12.000.000	-
Ông Cao Văn Bằng	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	9.000.000	-
Ông Đồng Hải Nam	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	4.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	6.000.000	-
Bà Tống Thị Thanh Nga	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	6.000.000	-
Ông Trần Minh Đức	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	3.000.000
Ông Ngô Văn Minh	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	3.000.000
Ông Bùi Văn Huỳnh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/09/2024	Lương, thưởng	-	14.974.826
Bà Lê Thị Minh Trang	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/09/2024	Lương, thưởng	-	12.223.919
Bà Nguyễn Minh Hương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 19/01/2024	Lương, thưởng	-	-
Bà Phạm Thị Thu Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 24/06/2024	Lương, thưởng	75.990.023	-
Bà Trần Thị Thúy Linh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 19/03/2024	Lương, thưởng	-	43.119.816

**34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**35. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



**Trương Thanh Minh**

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

**Kế toán trưởng**

**Phạm Thị Thu Phương**

**Người lập biểu**

**Phạm Thị Thu Phương**